



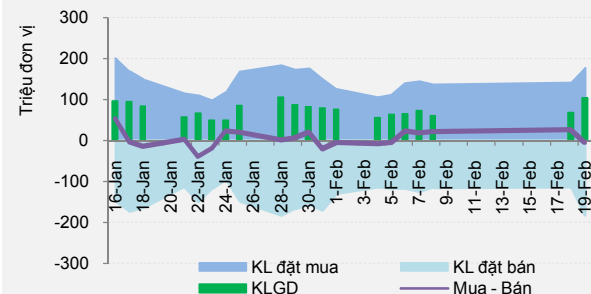
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 19/2/2013

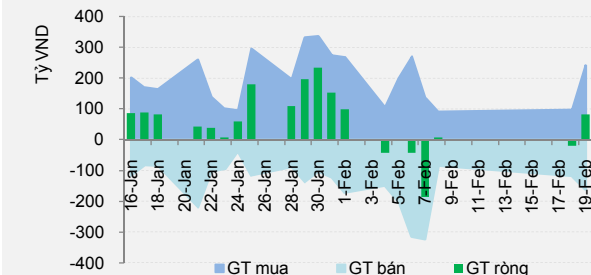
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	490.8	66.3
% Thay đổi	↓ -0.6%	↓ -0.7%
KLGD (CP)	104,487,830	103,990,283
GTGD (tỷ đồng)	1,481.50	845.38
Tổng cung (CP)	182,506,650	147,051,700
Tổng cầu (CP)	177,001,740	134,829,000

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	5,852,760	654,800
KL mua (CP)	9,521,890	1,423,300
GTmua (tỷ đồng)	242.40	18.85
GT bán (tỷ đồng)	160.45	8.55
GT ròng (tỷ đồng)	81.95	10.30

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.65%	8.2	1.5	1.7%
Công nghiệp	↓ -0.36%	13.3	1.0	18.2%
Dầu khí	↓ -0.85%	6.7	1.2	1.5%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.07%	6.6	1.2	0.9%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.51%	6.2	2.1	0.4%
Hàng Tiêu dùng	↓ -1.37%	11.6	4.7	8.4%
Ngân hàng	↓ -1.21%	5.7	1.7	14.9%
Nguyên vật liệu	↓ -0.59%	7.7	2.0	13.3%
Tài chính	↑ 0.84%	30.7	2.8	35.2%
Tiện ích Cộng đồng	↓ -1.33%	8.7	2.8	5.6%
VN - Index	↓ -0.64%	13.2	2.9	64.4%
HNX - Index	↓ -0.73%	15.9	1.5	35.6%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	1,157,110	1.7%	1,881,350	2.7%
GTGD (triệu VND)	15,393	1.6%	22,400	2.3%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index tăng điểm break qua mức kháng cự 490 điểm tuy nhiên tín hiệu break là chưa thực sự thuyết phục khi mà mức tăng không mạnh cũng như chưa có sự ủng hộ của khối lượng. Với tín hiệu break không thuyết phục thì chỉ số VN-Index đã điều chỉnh với mức giảm điểm nhẹ tuy nhiên khối lượng giao dịch lại tăng đột biến mạnh là tín hiệu không tích cực cho xu hướng của chỉ số VN-Index trong ngắn hạn. Nếu chỉ số VN-Index có thể quay đầu tăng điểm với mức tăng khá mạnh thì sẽ hạn chế được tín hiệu áp lực cung trong phiên hôm nay và sẽ tiếp tục tăng điểm. Nếu chỉ số VN-Index tiếp tục giảm điểm break qua mức 490 điểm với khối lượng giao dịch ở mức cao như phiên hôm nay thì nhà đầu tư có thể cân nhắc bán ra một phần để thực hiện hóa lợi nhuận.

- VN-Index giảm điểm nhẹ về mức 490.78 điểm, giảm 3.17 điểm tương ứng với mức 0.64% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 101.27 triệu đơn vị, tăng 49.63% so với phiên trước.

- HNX-Index giảm điểm nhẹ về mức 66.25 điểm, giảm 0.49 điểm tương ứng với mức 0.73% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 101.88 triệu đơn vị, tăng 43.19% so với phiên trước.

- Ngoại trừ một số cổ phiếu như BVH, VIC và HAG tăng điểm nhẹ thì đa số cổ phiếu có vốn hóa lớn đều giảm điểm. Một số cổ phiếu có vốn hóa lớn giảm điểm như GAS giảm 1.50%, VCB giảm 1.17%, MSN giảm 2.56%, VNM giảm 0.98%, CTG giảm 1.28%...

- Đồng JPY tiếp tục giảm giá so với các đồng tiền chủ chốt khác khi Thủ tướng Nhật kiên định mục tiêu giảm giá đồng nội tệ, hỗ trợ tăng trưởng. Giá cao su tự nhiên, mặt hàng được định giá phổ biến bằng đồng Yen, đang theo xu hướng tăng giá trong 3 tháng gần đây. Diễn biến này cũng giúp cổ phiếu của nhóm ngành cao su tự nhiên thời gian qua tăng giá khá mạnh.

- Việt Nam xuất khẩu sang Nhật một số mặt hàng chính như thủy sản, dầu thô, than đá, hàng dệt may, giày dép, trong khi nhập khẩu từ Nhật máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng, máy tính, sản phẩm điện tử, nguyên liệu phụ liệu ngành dệt may, da giày, phân bón, sắt thép. Đối với doanh nghiệp Việt Nam, đồng JPY giảm giá tác động tích cực đến hoạt động nhập khẩu, tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu vào Nhật. Tuy nhiên với thực tế sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam phần lớn là hàng tiêu dùng thiết yếu, và đồng JPY giảm giá với tất cả các đồng tiền trên Thế giới, tác động của việc giảm giá đồng JPY đến việc xuất khẩu hàng hóa của doanh nghiệp dự kiến không nhiều. Vấn đề quan trọng là doanh nghiệp cần thận trọng trong trường hợp hợp đồng xuất khẩu thanh toán bằng đồng JPY, khi rủi ro giảm giá của đồng tiền này chưa kết thúc.

- Phó Thống đốc NHNN cho biết, quy chế cho vay mua nhà ở xã hội dự kiến sẽ được ban hành trong quý I. Theo đó, các Ngân hàng TMCPNN sẽ dành tối thiểu 3% tổng dư nợ để cho các đối tượng được hỗ trợ vay vốn về nhà ở. Lãi suất cho vay của NHTM đối với khách hàng bằng lãi suất chiết khấu cộng thêm 1-2%, hoặc bằng trần lãi suất huy động cộng thêm 1%. NHNN sẽ hỗ trợ các NHTM qua công cụ tái cấp vốn (từ 20.000- 40.000 tỷ đồng) với thời hạn tối đa là 1 năm, quay vòng trong 10 năm, lãi suất bằng lãi suất chiết khấu của NHNN.

VN-INDEX


Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index giảm điểm nhẹ về mức 490.78 điểm, giảm 3.17 điểm tương ứng với mức 0.64% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch tăng đột biến mạnh so với phiên trước và ở mức cao so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên gần đây.

- Chỉ số VN-Index tiếp cận mức hỗ trợ MA20 và hình thành mô hình đảo chiều Morning Star. Sau khi hình thành mô hình Morning Star thì chỉ số VN-Index đã tăng điểm mạnh break qua mức kháng cự 470 điểm cũng như mức kháng cự của trendline dài hạn hình thành Gap có độ rộng lớn.

- Chỉ báo RSI phân kỳ với chỉ số VN-Index.

- Mức kháng cự trung hạn cho chỉ số VN-Index là khu vực 525 điểm.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tăng điểm break qua mức kháng cự 490 điểm tuy nhiên tín hiệu break là chưa thực sự thuyết phục khi mà mức tăng không mạnh cũng như chưa có sự ủng hộ của khối lượng. Với tín hiệu break không thuyết phục thì chỉ số VN-Index đã điều chỉnh với mức giảm điểm nhẹ tuy nhiên khối lượng giao dịch lại tăng đột biến mạnh là tín hiệu không tích cực cho xu hướng của chỉ số VN-Index trong ngắn hạn. Nếu chỉ số VN-Index có thể quay đầu tăng điểm với mức tăng khá mạnh thì sẽ hạn chế được tín hiệu áp lực cung trong phiên hôm nay và sẽ tiếp tục tăng điểm. Nếu chỉ số VN-Index tiếp tục giảm điểm break qua mức 490 điểm với khối lượng giao dịch ở mức cao như phiên hôm nay thì nhà đầu tư có thể cân nhắc bán ra một phần để thực hiện hóa lợi nhuận.

HNX-INDEX

- HNX-Index giảm điểm nhẹ về mức 66.25 điểm, giảm 0.49 điểm tương ứng với mức 0.73% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch tăng đột biến mạnh so với phiên trước và ở mức cao so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số HNX-Index tiếp cận về khu vực hỗ trợ mạnh của MA20, trendline trung hạn cũng như mức hỗ trợ của Fibonacci 38.2 hình thành mô hình đảo chiều Morning Star. Chỉ báo RSI 9 ngày quay đầu tăng điểm khi tiếp cận đường baseline

- Chỉ báo RSI phân kỳ với chỉ số HNX-Index.

- Mức kháng cự trung hạn cho chỉ số HNX-Index là khu vực 68-69 điểm.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp cận khu vực kháng cự mạnh là mức kháng cự hội tụ của đỉnh cũ 63.7 điểm và mức kháng cự của MA200 thì đã sideway quanh mức này trong năm phiên giao dịch. Khi HNX-Index tiếp cận gần đến mức hỗ trợ của trendline thì đã tăng điểm mạnh và break qua mức kháng cự này. Sau bốn phiên tăng điểm liên tiếp thì chỉ số HNX-Index đã điều chỉnh với mức giảm điểm nhẹ tuy nhiên khối lượng giao dịch lại tăng đột biến mạnh là tín hiệu không thực sự tích cực cho xu hướng của chỉ số HNX-Index trong ngắn hạn. Nếu chỉ số HNX-Index có thể quay đầu tăng điểm với mức tăng khá mạnh thì sẽ hạn chế được tín hiệu áp lực cung trong phiên hôm nay và sẽ tiếp tục tăng điểm. Nếu chỉ số HNX-Index tiếp tục giảm điểm với khối lượng giao dịch ở mức cao như phiên ngày hôm nay thì nhà đầu tư có thể cân nhắc bán ra một phần để thực hiện hóa lợi nhuận.

**Khuyến nghị đang mở**

Mã	Ngày mở khuyến nghị	Ngày đóng khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Hiệu suất tạm tính (%)
PGC	06/02/2014		Mua	9.6	14	8.9	10.8	12.50

Khuyến nghị đã đóng

Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Khuyến nghị	Giá khuyến	Giá mục	Giá	Giá đóng	Hiệu suất
GMD	12/12/2012	21/12/2012	Mua	17.6	19.5	16.2	17.4	-1.14
OGC	17/12/2012	21/12/2012	Mua	9.3	10.4	8.8	9.6	3.23
LSS	26/12/2012	02/01/2013	Mua	14.3	16.5	13.7	15.8	10.49
NTL	26/12/2012	03/01/2013	Mua	15.7	19	14.8	16.5	5.10
KSD	15/01/2013	18/01/2013	Mua	2.2	2.8	2	2.5	13.64
DRC	04/02/2013	07/02/2013	Mua	33.8	40	32	41.5	22.78

Ghi chú:

Khuyến nghị được đưa ra thuần túy dựa trên phân tích kỹ thuật và chỉ mang tính chất tham khảo.

Khuyến nghị bán không hàm nghĩa bán khống mà chỉ là quan điểm của chúng tôi về xu thế ngắn hạn của cổ phiếu này.

Giá hiện tại chính là mức giá đóng cửa của phiên giao dịch ngày ra báo cáo.

Khách hàng chủ động cắt lỗ khi giá tăng/giảm đến mức cắt lỗ trong khuyến nghị

Tùy thuộc vào diễn biến thị trường, chúng tôi có thể đưa ra khuyến nghị dừng lỗ hoặc chốt lãi khác so với các mức giá được đưa ra.

LỘC CỔ PHIẾU

Tính đến ngày 18/2/2013, đã có 513 doanh nghiệp công bố BCTC Q4 hợp nhất, với 396 doanh nghiệp báo lãi, chiếm 77%.

Hiện nhóm cổ phiếu khoáng sản, cao su đang diễn biến tích cực hơn thị trường chung, khi nhà đầu tư kỳ vọng vào đà tăng của giá cao su tự nhiên, cũng như khả năng xuất khẩu lượng hàng khoáng sản tồn kho của doanh nghiệp.

Chúng tôi thống kê chỉ tiêu tài chính của nhóm cổ phiếu thuộc ngành khoáng sản, cao su tự nhiên, và 19 cổ phiếu có hệ số Beta cao nhất để nhà đầu tư tiện tham khảo.

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NHÓM CỔ PHIẾU NGÀNH CAO SU TỰ NHIÊN

Mã CK	LN	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	P/E	Beta	PB	Hàng tồn kho
	Q4/2012								Ngành			
BRC	6	25.09%	12,695	1,986	16,870	8.04%	12.46%	5.79	4.63	0.24	0.68	35
DPR	0	-	5,159	16,245	47,932	28.68%	35.83%	3.08	4.63	-0.14	1.04	173
HRC	7	-30.89%	752	5,141	28,060	14%	19%	7.45	4.63	0.21	1.36	44
PHR	0	-	70,318	9,216	24,504	24.43%	39.32%	3.32	4.63	0.56	1.25	313
TNC	7	-2.69%	155,644	3,661	17,134	19.48%	22.08%	5.13	4.63	0.91	1.10	21
TRC	119	-33.40%	3,466	11,613	44,750	23.13%	28.20%	4.09	4.63	0.49	1.06	107

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU KHOÁNG SẢN CÓ LỢI NHUẬN Q4.2012 CAO NHẤT

Mã CK	LN	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	P/E	Beta	PB	Hàng tồn kho
	Q4.2012								Ngành			
HGM	37	-7.46%	218	21,155	41,833	48.12%	60.02%	4.73	11.74	0.21	2.39	14
SQC	28	102.13%	12	1,489	12,414	10.20%	12.75%	53.73	11.74	-0.01	6.44	151
KSB	18	-24.00%	8,068	5,018	24,880	13.39%	20.71%	4.17	11.74	0.23	0.84	34
BMC	12	-4.67%	176,257	6,973	16,432	32.69%	44.13%	8.32	11.74	1.21	3.53	41
LCM	5	113.89%	696,252	4,358	13,395	22.89%	23.89%	3.67	11.74	0.24	1.19	11
DHM	4	2034.00%	853,482	2,615	11,378	15.07%	24.23%	6.39	11.74	-0.84	1.47	78
KSA	3	48.56%	397,406	739	14,012	3.21%	5.42%	15.97	11.74	0.75	0.84	5
CTM	3	-190.87%	12,376	-714	10,744	-3.00%	-6.34%	-4.76	11.74	1.56	0.32	37
PTK	3	#N/A	294,757	475	10,785	3.20%	4.59%	25.04	11.74	0.00	1.10	0
ALV	1	6.59%	13,930	642	11,692	3.78%	5.64%	6.86	11.74	1.54	0.38	2

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ HỆ SỐ BETA CAO NHẤT

Mã CK	LN	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	P/E	Beta	PB	Hàng tồn kho
	Q4/2012								Ngành			
PVL	0	-	1,277,658	-522	10,465	-2.73%	-4.88%	-9.97	36.36	2.65	0.50	270
SDH	0	-	492,519	-1,821	8,608	-5.86%	-18.10%	-2.86	11.63	2.38	0.60	164
DDM	-31	#DIV/0!	26,118	-5,617	-2,685	-5%	5761%	-0.23	9.70	3.21	-0.48	16
PVA	0	-	715,967	-472	10,829	-0.34%	-3.04%	-14.83	11.63	2.61	0.65	253
PVX	0	-	7,766,952	-1,001	9,264	-1.84%	-9.01%	-7.79	11.63	2.72	0.84	4,485
SCR	-21	456.35%	6,083,265	587	15,693	1.25%	3.80%	16.53	36.36	2.68	0.62	2,882
SRA	-1	#DIV/0!	147	-1,394	10,231	-9%	-13%	-2.94	8.53	2.28	0.40	0
S96	-2	88.97%	141,900	-455	7,503	-1.16%	-5.88%	-9.68	11.63	2.52	0.59	22
SHN	-17	13.00%	1,310,065	-3,931	2,918	-27.92%	-86.70%	-0.43	11.63	1.79	0.58	6
PFL	0	-	435,700	-134	10,380	-0.94%	-1.25%	-26.79	36.36	2.40	0.35	2

Ghi chú:

EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

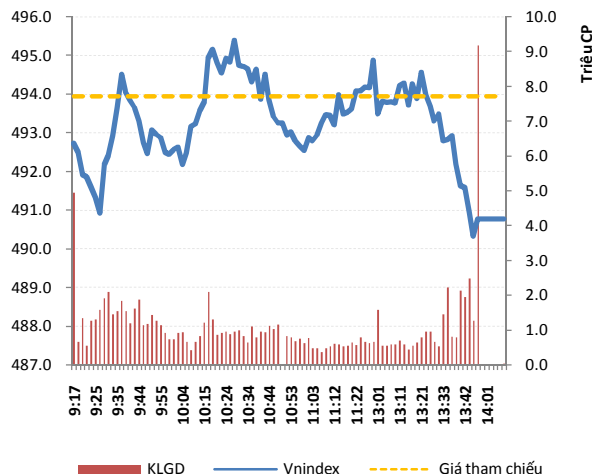
BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 19/02/2013.

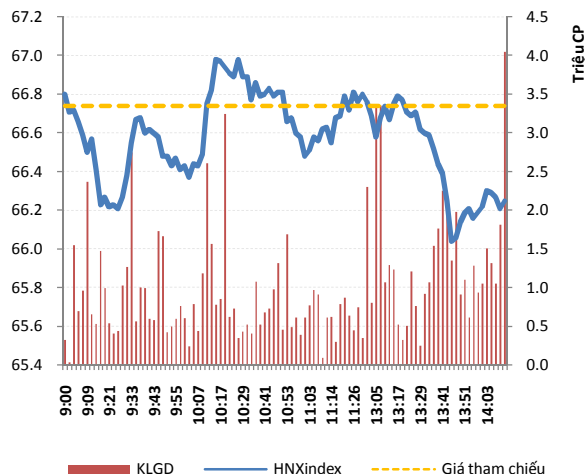


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

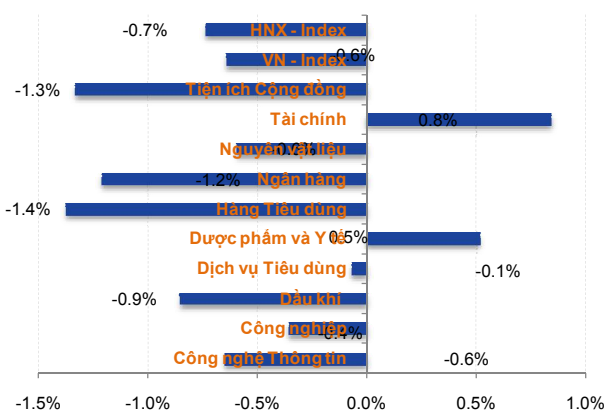
KLGD và VN-Index trong phiên



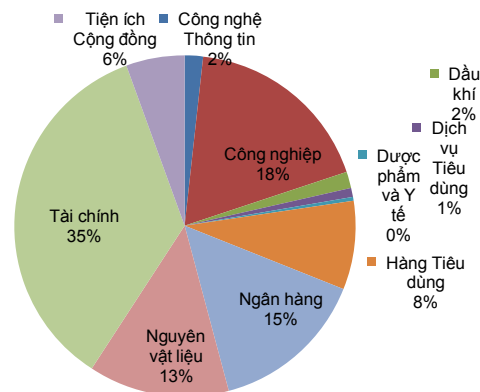
KLGD và HNX-Index trong phiên



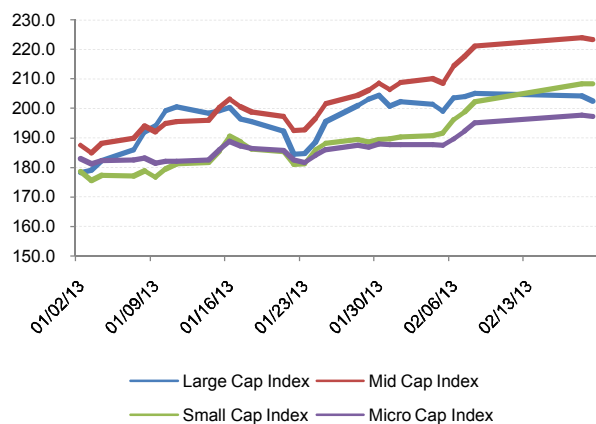
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



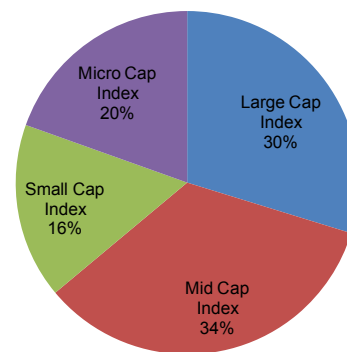
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MBB	1,538,770	VFMVF1	1,303,410
2	HPG	675,260	PXS	263,440
3	KBC	572,190	PVT	200,000
4	PVF	529,160	KMR	138,860
5	STB	361,760	GMD	115,700

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	KLS	427,300	SCR	302,000
2	PVS	292,000	ICG	15,000
3	VCG	131,900	VKC	10,000
4	PVX	104,100	CTS	9,800
5	PVC	42,400	KHB	9,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	8.8	9.3	↑ 5.68%	8,394,350
LCG	9.6	9.8	↑ 2.08%	3,773,310
KBC	9.9	10.5	↑ 6.06%	3,648,850
SAM	9.2	9.1	↓ -1.09%	3,217,020
REE	23.3	22.9	↓ -1.72%	3,177,150

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	8.1	7.9	↓ -2.47%	27,294,840
PVX	7.7	7.8	↑ 1.30%	10,146,074
KLS	11.3	11.1	↓ -1.77%	5,835,950
SCR	9.6	9.7	↑ 1.04%	5,636,190
VND	11.2	10.9	↓ -2.68%	5,331,300

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DDM	1.2	1.3	0.1	↑ 8.33%
NBB	18.6	19.9	1.3	↑ 6.99%
DTT	5.8	6.2	0.4	↑ 6.90%
TTF	5.8	6.2	0.4	↑ 6.90%
VNA	2.9	3.1	0.2	↑ 6.90%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SDJ	2.0	2.2	0.2	↑ 10.00%
V21	11.2	12.3	1.1	↑ 9.82%
CJC	15.3	16.8	1.5	↑ 9.80%
BTS	4.2	4.6	0.4	↑ 9.52%
RHC	12.6	13.8	1.2	↑ 9.52%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VHC	28.7	26.7	-2.0	↓ -6.97%
HTL	5.8	5.4	-0.4	↓ -6.90%
SSC	34.9	32.6	-2.3	↓ -6.59%
CLP	7.7	7.2	-0.5	↓ -6.49%
GTT	12.4	11.6	-0.8	↓ -6.45%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PHS	3.0	2.7	-0.3	↓ -10.00%
ADC	16.2	14.6	-1.6	↓ -9.88%
SDE	13.2	11.9	-1.3	↓ -9.85%
LDP	31.6	28.5	-3.1	↓ -9.81%
MMC	6.3	5.7	-0.6	↓ -9.52%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	8,394,350	0.3%	40	230.2	0.7
LCG	3,773,310	-0.1%	(21)	-	0.5
KBC	3,648,850	-10.5%	(1,517)	-	0.8
SAM	3,217,020	1.6%	288	31.6	0.5
REE	3,177,150	16.3%	2,707	8.5	1.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	27,294,840	0.0%	(1)	-	0.7
PVX	10,146,074	-9.0%	(1,001)	-	0.8
KLS	5,835,950	0.9%	107	104.2	0.9
SCR	5,636,190	3.8%	587	16.5	0.6
VND	5,331,300	7.4%	789	13.8	1.0

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DDM	↑ 8.3%	5761.2%	(5,617)	(0.2)	(0.5)
NBB	↑ 7.0%	4.3%	2,455	8.1	0.4
DTT	↑ 6.9%	-3.1%	(419)	(14.8)	0.5
TTF	↑ 6.9%	6.3%	1,055	5.9	0.3
VNA	↑ 6.9%	-8.6%	(1,415)	(2.2)	0.2

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SDJ	↑ 10.0%	-32.8%	(3,786)	(0.6)	0.3
V21	↑ 9.8%	5.0%	1,205	10.2	0.5
CJC	↑ 9.8%	14.3%	3,703	4.5	0.6
BTS	↑ 9.5%	-2.8%	(264)	(17.4)	0.5
RHC	↑ 9.5%	17.4%	2,675	5.2	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	1,538,770	23.4%	3,117	4.6	1.1
HPG	675,260	2.2%	420	62.4	1.3
KBC	572,190	-10.5%	(1,517)	-	0.8
PVF	529,160	0.7%	76	175.4	1.2
STB	361,760	5.1%	734	30.4	1.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
KLS	427,300	0.9%	107	104.2	0.9
PVS	292,000	17.9%	3,119	5.0	1.1
VCG	131,900	1.5%	220	61.4	1.2
PVX	104,100	-9.0%	(1,001)	-	0.8
PVC	42,400	15.0%	2,889	5.1	0.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	87,170	38.8%	5,173	8.9	3.2
VNM	84,186	41.6%	6,981	14.5	5.4
VCB	78,560	10.8%	1,832	18.5	1.9
MSN	78,350	8.7%	2,156	52.9	5.6
VIC	62,183	18.4%	2,041	32.8	5.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	16,503	18.5%	2,603	6.8	1.3
SQC	8,800	12.7%	1,489	53.7	6.4
SHB	7,000	0.0%	(1)	-	0.7
PVS	6,924	17.9%	3,119	5.0	1.1
VCG	5,963	1.5%	220	61.4	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVF	2.57	0.7%	76	175.4	1.2
KBC	2.14	-10.5%	(1,517)	-	0.8
BVH	2.01	10.5%	1,835	31.6	3.3
DDM	1.92	5761.2%	(5,617)	-	(0.5)
ITA	1.92	0.3%	40	230.2	0.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVV	2.65	-27.6%	(2,831)	-	0.4
NVC	2.49	-12.4%	(1,299)	-	0.3
PFL	2.45	-4.7%	(494)	-	0.4
PVX	2.43	-9.0%	(1,001)	-	0.8
PVL	2.42	-4.9%	(522)	-	0.5



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Lê Thanh Hòa

Hoa.lt@shs.com.vn

Đoàn Thị Ánh Nguyệt

nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)